

Biểu mẫu 11

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 8
TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ
PHAN ĐĂNG LƯU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG BÁO

**Công khai thông tin cơ sở vật chất của trường trung học cơ sở và trường
trung học phổ thông, năm học 2022-2023**

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học	18	1.08 m ² /học sinh
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	18	1.08
2	Phòng học bán kiên cố		-
3	Phòng học tạm		-
4	Phòng học nhờ		-
5	Số phòng học bộ môn (tin học (2), THPTN lý (1), THPTN Hóa - Sinh (1))	4	1.08
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	01	2.17
7	Bình quân lớp/phòng học	01	1.08
8	Bình quân học sinh/lớp	46	1.08
III	Số điểm trường	01	1.08
IV	Tổng số diện tích đất (m²)	3125	
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	1225	
VI	Tổng diện tích các phòng	1900	
1	Diện tích phòng học (m ²)	900	
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)	240	
3	Diện tích thư viện (m ²)	75	
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)	00	
5	Diện tích phòng hoạt động Đoàn Đội, phòng truyền thống (m ²)	34 13	
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định		
1.1	Khối lớp 6	3	0.6
1.2	Khối lớp 7	3	0.75
1.3	Khối lớp 8	3	0.6
1.4	Khối lớp 9	3	0.75
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định		
2.1	Khối lớp 6	0	0
2.2	Khối lớp 7	0	0
2.3	Khối lớp 8	0	0
2.4	Khối lớp 9	0	0
3	Khu vườn sinh vật, vườn địa lý (diện tích/thiết bị)	01	24 m ²

VIII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)			48	1 học sinh/bộ	
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác			15	Số thiết bị/lớp	
1	Ti vi			00	/	
2	Cát xét			11	0.6	
3	Đầu Video/đầu đĩa			00	/	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể			05	0.28	
5	Laptop			04	0.22	
6	Bảng tương tác			04	0.22	
	Nội dung		Số lượng (m ²)			
X	Nhà bếp		00			
XI	Nhà ăn		00			
	Nội dung		Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)		Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú		00		00	00
XIII	Khu nội trú		00		00	00
XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho	Dùng cho học sinh			Số m ² /học sinh
		giáo viên				
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	9	00	10/10	00	0.01
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*	00	00	00	00	00

(*Theo Thông tư số 12/2011/TT-BGDĐT ngày 28/2/2011 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trung học phổ thông có nhiều cấp học và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu - điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh).

	Nội dung	Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	X	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	X	
XVII	Kết nối internet	X	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	X	
XIX	Tường rào xây	X	

Quận 8, ngày 26 tháng 6 năm 2023
Hiệu trưởng

(Đã ký)

Nguyễn Văn Toại